TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HSST
Ngày: 13 - 07 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HOÁ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ Pên toà: Ông Lê Văn Quân
*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Bà Trần Thị Dần
2. Bà Nguyễn Thị Hà

Thư ký Pên toà: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia Pên toà: Bà Dương Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 53/2022/HSST ngày 17 tháng 06 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Quách Văn T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 04/10/1999, tại xã TC, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn BB, xã TC, huyện T, Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn : 8/12; Bố: Quách Văn V; Mẹ: Bùi Thị TH; Tiền án: không; Tiền sự: Ngày 15/3/2022 bị Công an huyện T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/04/2022 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại Pên tòa.

**Những người tham gia tố tụng:*

-Người bị hại :

1.Chị Lê Thị H - SN 1979 (vắng mặt); Địa chỉ: Thôn BC, xã TV, T, tỉnh Thanh Hóa.

2.Anh Phạm Văn T1 – SN 1984(vắng mặt); Địa chỉ: Thôn TL, xã TV, huyện T, Thanh Hóa.

3.Anh Nguyễn Anh V2 –SN 1978(vắng mặt)Địa chỉ: Thôn QT, xã TV, huyện T, Thanh

Hóa.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1.Anh Lê Văn H1 – SN 1965(vắng mặt); Địa chỉ: Đội 2, Nông Trường TQ, xã TQ, huyện T, Thanh Hóa.

2. Ông Nguyễn Hữu H2 –SN 1986(vắng mặt); Địa chỉ: Thôn QT, xã TV, huyện T, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại Pên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 00 phút chiều ngày 26/2/2022, khi Quách Văn T sinh năm 1999 trú tại thôn BB, xã TC, huyện T đang ở nhà thì Bùi Văn P sinh năm 1995 trú tại thôn N, xã TM, huyện T điều khiển xe mô tô SYM Elegan mà đen-bạc biển kiểm soát 36E1- 040.94 của bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ của P vào nhà rủ T cùng đi trộm cắp tài sản để lấy tiền mua ma túy sử dụng. T đồng ý rồi ngồi lên xe mô tô cùng P đi đọc tuyến đường quốc lộ 217B tìm kiếm gia đình nào có tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đi đến nhà chị Nguyễn Thị H sinh năm 1979, ở thôn BC, xã TV thì P và T nhìn thấy một tấm chắn sau của thùng xe công nông tự chế của gia đình chị Hương đang dựng ở tường nhà không có người trông coi nên P đã đừng xe lại để T vào trộm còn P ở ngoài đứng chờ. Khi lấy được tài sản T đặt tấm sắt lên giữa xe mô tô rồi ngồi phía sau ôm tấm sắt để P điều khiển xe đi về hướng xã TM1, khi đi đến quán chuyên thu mua sắt vụn của anh Nguyễn Hữu H2 ở thôn QT, xã TV thì P và T đừng xe, P vào bán tấm sắt trên cho anh Hà lấy 250.000 đồng. Sau đó cả hai cùng đi xe sang địa phận thị trấn Cẩm Phong, Cẩm Thủy mua ma túy sử dụng hết.

Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày do chưa thỏa mãn nhu cầu sử dụng chất ma túy nên trên đường trở về nhà khi đi đến thôn QT, xã TV đoạn nhà chị Trần Thị HN –sinh năm 1991, T và P phát hiện ra một chiếc xe lôi tự chế của ông Phạm Văn T1 sinh năm 1984, trú tại thôn TL, xã TV, gửi nhờ ở nhà chị HN để ở vị trí ngay trước nhà không có người trông coi. Nên P bảo T xuống xe vào trộm. Lấy được xe lôi, T dùng tay vừa đẩy vừa kéo xe lôi ra xe mô tô rồi ngồi phía sau xe mô tô tiếp tục đừng tay cầm và kéo xe chiếc lôi vừa lấy được chạy theo xe mô tô, còn P cầm lái điều kiển xe mô tô đi về hướng xã TQ tìm chỗ bán chiếc xe này. Khi đi đến quán thu mua phế liệu của nhà ông Lê Văn H1 ở đội 2 Nông trường xã TQ, P vào quán trao đổi và bán chiếc xe lôi cho ông Hùng với giá 535.000 đồng.

Sau đó, P chở T điều khiển xe mô tô quay lại xã TV tiếp tục tìm kiếm tài sản trộm cắp. Đến khoảng 20 giờ 40 phút cùng ngày khi đi đến nhà ông Nguyễn Anh V2 ở thôn QT, xã TV; P và T nhìn thấy trước nhà ông V2 có một bánh xe bò có trục bằng kim loại, đang để bên hông nhà. Lợi dụng lúc không có người trông coi T và P đã cùng xuống xe mỗi người vào bê một bánh xe bò đặt lên giữa xe mô tô, T ngồi giữ phía sau còn P điều khiển xe đi về hướng xã TM nhằm tìm kiếm chỗ tiêu thụ tài sản. Sau khi

phát hiện gia đình bị trộm mất bánh xe bò ông V2 đã gọi điện thoại cho anh Nguyễn Đa Đ là con rể ông V2 ở thôn BC, xã TV để đón chặn người đã trộm cắp tài sản gia đình mình. Đến khoảng 22 giờ 00 phút đêm ngày 26/2/2022 khi T và P đang trên đường chở bánh xe bò đi đến đoạn thôn BC, xã TV thì bị người dân phát hiện chặn xe lại, T ngã xuống đường bị bánh xe bò chặn lên chân nên bị bắt giữ còn P chạy trốn thoát khỏi hiện trường. Sau đó, người dân đã đưa T đến Công an xã TV làm việc. (BL: 01, 02, 03, 99, 100, 101,102, 103, 104 đến 112)

Kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 21/03/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T xác định: Một bộ bánh xe bò tự chế gồm 02 bánh bằng kim loại nặng 66 kg tại thời điểm bị chiếm đoạt trị trá 990.000 nghìn đồng; Một nắp chắn sau thùng công nông tự chế bằng kim loại khối lượng 24 kg có trị giá 360.000 đồng; Một xe lôi tự chế có khối lượng 57 kg tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 1.710.000 triệu đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 3.060.000 đồng. (BL: 75,76)

Tại Cơ quan điều tra, Quách Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của bị can phù hợp với lời khai của bị hại, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được.

Đối với đối tượng tên Bùi Văn P Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã nhiều lần triệu tập P lên làm việc nhưng P không có mặt, gia đình và chính quyền địa phương không biết hiện P đang ở đâu. Ngoài lời khai của T không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh hành vi phạm tội của P. Vì vậy, Cơ quan CSĐT chưa có đủ căn cứ để khởi tố bị can đối với Bùi Văn P; nên sẽ tiếp tục điều tra, làm rõ hành vi của P nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với anh Nguyễn Hữu H2 và ông Lê Văn H1 là người đã mua tài sản trộm cắp của T Và P nhưng khi mua cả anh H2 và ông H1 đều không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có, khi biết nguồn gốc tài sản liên quan đến hành vi trộm cắp ông Hùng đã tự nguyện giao nộp tang vật để phục vụ công tác điều tra.Vì vậy, hành vi của anh H2, ông H1 đều không vi phạm pháp luật.

Kết quả điều tra, xác minh bị can Quách Văn T hiện tại không có tài sản và thu nhập. (BL: 121)

Về vật chứng của vụ án: quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 trục bánh xe bò bằng sắt, cũ đã qua sử dụng, hoen rỉ
- 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM Elegant II, biển kiểm soát 36E1 – 04094, xe cũ, đã qua sử dụng.
- 01 thùng xe lôi tự chế cũ, đã qua sử dụng
- 01 tấm sắt chắn thùng xe còng còng tự chế bằng sắt kích thước (120x45) cm.

Quá trình điều tra, sau khi tiến hành định giá tài sản Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản là 01 trục bánh xe bò, 01 xe lôi tự chế và 01 tấm sắt chắn xe còng còng tự chế cho chủ sở hữu hợp pháp của các tài sản trên.

Đối với chiếc xe mô tô SYM Elegan màu đen bạc, BKS36E1-040.94, có đăng ký mang tên Nguyễn Thị N. Qua xác minh, Cơ quan CSĐT có căn cứ xác định bà Nguyễn

Thị N là chủ sử hữu của chiếc xe, bà không biết việc chiếc xe được các đối tượng sử dụng xe để trộm cắp tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả chiếc xe cho bà Nguyễn Thị Nga.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra người bị hại là chị Nguyễn Thị H đã yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 250.000 đồng là tiền chị mua lại tài sản từ anh Hà. Ông Lê Văn H1 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 535.000 đồng. Riêng anh Phạm Văn T1 và Nguyễn Văn Vượng đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 55 /Ctr-VKS-TT, ngày 16/06/2023, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Quách Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự (Sau đây được viết tắt là BLHS).

*Phần tranh tụng tại phiên tòa:

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS để xử phạt Bùi Văn Nam mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Nguyễn Thị H đã yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 250.000 đồng là tiền chị mua lại tài sản từ anh H1. Ông Lê Văn H1 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 535.000 đồng là phù hợp đề nghị HĐXX chấp nhận. Riêng anh Phạm Văn T1 và Nguyễn Anh V2 đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên không xem xét.

Vật chứng: Đã trả lại tài sản cho người bị hại nên đề nghị không xem xét

Xác minh thu nhập bị cáo không có tài sản gì giá trị đề nghị không phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Bị cáo Quách Văn T thừa nhận hành vi như cáo trạng của viện kiểm sát nhân dân mô tả và truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và không có ý kiến tranh luận gì.

Tại phần tranh luận tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại Pên toà, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi của bản thân như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời trình bày của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ động cơ vụ lợi nên chiều tối ngày 26/02/2022, lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của các hộ dân đọc tuyến đường 217B thuộc địa phận xã TV, huyện T, tỉnh Thành Hóa, Quách Văn T cùng đối tượng Bùi Văn P đã lén lút đột nhập vào gia đình chị Nguyễn Thị H trộm một tấm nắp chắn sau thùng công nông tự chế bằng kim loại khối lượng 24 kg có trị giá 360.000 đồng của gia đình chị H, Sau đó tiếp tục trộm một xe lôi tự chế có khối lượng 57 kg có giá trị 1.710.000 triệu đồng của gia đình anh Phạm Văn T1. Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày khi Quách Văn T và đối tượng tên P đang trộm cắp thêm một bộ bánh xe bò tự chế gồm 02 bánh bằng kim loại nặng 66 kg có giá trị 990.000 nghìn đồng của gia đình ông Nguyễn Anh V2 thì bị bắt giữ. Tổng giá trị tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt sau khi định giá có tổng trị giá là 3.060.000 đồng. Do đó có đủ cơ sở xác định bị cáo đã có hành vi vi phạm vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, hành vi phạm tội: Đây là vụ án trộm cắp tài sản có tính chất ít nghiêm trọng do bị cáo thực hiện. Tuy nhiên hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an, xã hội trên địa bàn vì vậy cần được xử lý nghiêm để làm gương và giáo dục chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ là "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được quy định tại điểm s,i khoản 1 Điều 51 BLHS. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để xét xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội. Tuy nhiên bị cáo không có nghề nghiệp gì là đối tượng nghiện ma túy,bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp để phục vụ cho mục đích sử dụng ma túy vì vậy hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe giáo dục bị cáo sửa chữa lỗi lầm, để bị cáo thấy được tính nghiêm minh của pháp luật, cải tạo thành người công dân có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Phạm Văn T1 và Nguyễn Anh V2 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên HĐXX không xem xét. Đối với người Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn H1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 535.000đ và chị Nguyễn Thị H là người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 250.000đ mà chị đã chuộc lại tài sản. Đây là yêu cầu chính đang phù hợp pháp luật nên được chấp nhận. Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền trên cho anh Hùng và chị Hương là phù hợp.

[7] Về hình phạt tiền bổ sung: Qua xác minh bị cáo không có tài sản, thu nhập, nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Quách Văn T phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 38; BLHS của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Quách Văn T 12 (mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 05/04/2022.

Áp dụng: Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS; Điều 136 của BLTTHS năm 2015; Các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của BLDS 2015; khoản 1 Điều 6, điểm a,c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về Dân sự:

Bị hại là anh Phạm Văn T1 và Nguyễn Anh V2 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên HĐXX không xem xét.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Lê Văn H1 số tiền 535.000đ và chị Nguyễn Thị H số tiền 250.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị H anh H2 có đơn thi hành án nếu chưa thi hành án xong thì hàng tháng các bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 trên số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST và 300.000đ án phí DSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị cáo, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi NVLQ;
- CQĐT CA huyện T;
- CQTHAHS CA huyện T;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PÊN TOÀ

Lê Văn Quân